

Đặc tả cấu trúc thông tin mẫu Phiếu Xét Nghiệm Hóa Sinh Máu

Bảng mô tả định dạng

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
I	ThôngTin	1.1	ID	Mã định danh phiếu/giấy	Số nguyên	25	
I	ThôngTin	1.2	MaBenhNhan	Mã bệnh nhân trong hệ thống	Chuỗi	25	
I	ThôngTin	1.3	MaHoSo	Mã hồ sơ bệnh án	Chuỗi	25	
I	ThôngTin	1.4	HoVaTenBenhNhan	Họ tên người bệnh	Chuỗi	250	
I	ThôngTin	1.5	Tuoi	Tuổi bệnh nhân	Số nguyên	4	
I	ThôngTin	1.6	GioiTinh	Giới tính của người bệnh. Giá trị enum gồm: 1 – Nam, 2 – Nữ, 3 – Không biết, 4 – Chưa xác định.	Số nguyên	1	Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định
I	ThôngTin	1.7	DiaChi	Địa chỉ thường trú	Chuỗi	500	
I	ThôngTin	1.8	SoTheBHYT	Số thẻ BHYT	Chuỗi	25	THEO BHYT
I	ThôngTin	1.9	SoYTe	Tên Sở Y tế	Chuỗi	250	
I	ThôngTin	1.10	BenhVien	Tên bệnh viện	Chuỗi	250	
I	ThôngTin	1.11	MaKhoa	Mã khoa điều trị	Chuỗi	25	Quyết định 5937/QĐ-BYT,

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
							ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5
I	ThongTin	1.12	Khoa	Tên khoa điều trị	Chuỗi	250	Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5
I	ThongTin	1.13	Buong	Buồng bệnh	Chuỗi	50	
I	ThongTin	1.14	Giuong	Giường bệnh	Chuỗi	50	
I	ThongTin	1.15	LoaiXetNghiem	1-Thường 2-Cấp cứu	Số nguyên	1	
I	ThongTin	1.16	ChanDoanLamSang	Chẩn đoán lâm sàng	Chuỗi	1000	Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế
I	ThongTin	1.17	MaQuanLy	Mã quản lý	Số nguyên	25	
I	ThongTin	1.18	NgaySinh	Ngày sinh bệnh nhân	Ngày	YYYY/MM/DD	
I	ThongTin	1.19	NgayVaoVien	Ngày vào viện	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
I	ThongTin	1.20	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Chuỗi	25	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
I	ThongTin	1.21	IDMauPhieu	Mã định danh mẫu phiếu	Số nguyên	5	
II	ChiTietXetNghiem s	2.1	Ure	Giá trị Ure trong máu	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.2	Glucose	Đường huyết	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.3	Creatinin	Nồng độ Creatinin	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.4	AcidUric	Acid Uric trong máu	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.5	Sat	Nồng độ Sắt	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.6	Magie	Nồng độ Magie	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.7	AST_GOT	Men gan AST (GOT)	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.8	ALT_GPT	Men gan ALT (GPT)	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.9	Bilirubin_TP	Bilirubin toàn phần	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.10	Bilirubin_TT	Bilirubin trực tiếp	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.11	Bilirubin_GT	Bilirubin gián tiếp	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem	2.12	Protein_TP	Protein toàn phần	Chuỗi	50	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu Dữ Liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
	s						
II	ChiTietXetNghiem s	2.13	Albumin	Nồng độ Albumin	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.14	Globulin	Nồng độ Globulin	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.15	TyLe_A_G	Tỷ lệ Albumin/Globulin	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.16	Fibrinogen	Nồng độ Fibrinogen	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.17	Amylase	Nồng độ Amylase	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.18	CK	Creatine kinase	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.19	CK_MB	CK-MB	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.20	LDH	Lactate dehydrogenase	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.21	GGT	Gamma GT	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.22	Cholinesterase	Enzyme cholinesterase	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.23	Phosphatase_Kiem	Phosphatase kiềm	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.24	Cholesterol	Cholesterol toàn phần	Chuỗi	50	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
II	ChiTietXetNghiem s	2.25	Triglycerid	Triglycerid	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.26	HDL_Cho	HDL-Cholesterol	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.27	LDL_Cho	LDL-Cholesterol	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.28	Na	Natri máu	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.29	K	Kali máu	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.30	Cl	Clo máu	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.31	Calci	Nồng độ Canxi tổng	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.32	Calci_Ion_Hoa	Canxi ion hóa	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.33	Phospho	Nồng độ Phospho	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.34	KhiMau_pH	pH khí máu	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.35	KhiMau_pCO2	pCO2	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.36	KhiMau_pO2	pO2	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem	2.37	KhiMau_HCO3	HCO3-	Chuỗi	50	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	
	s						
II	ChiTietXetNghiem s	2.38	KhiMau_KiemDu	Kiểm dư (BE)	Chuỗi	50	
II	ChiTietXetNghiem s	2.39	XetNghiem_Khac	Ghi chú – Xét nghiệm khác	Chuỗi	2048	
III	Kết luận	3.1	BacSiDieuTri	Bác sĩ điều trị	Chuỗi	250	
III	Kết luận	3.2	NgayKyBacSiDieuTri	Ngày ký bác sĩ điều trị	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
III	Kết luận	3.3	TruongKhoaXetNghiem	Trưởng khoa xét nghiệm	Chuỗi	250	
III	Kết luận	3.4	NgayKyTruongKhoaXetNghiem	Ngày ký trưởng khoa	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
III	Kết luận	3.5	MaTruongKhoaXetNghiem	Mã trưởng khoa xét nghiệm	Chuỗi	25	
III	Kết luận	3.6	MaBacSiDieuTri	Mã bác sĩ điều trị	Chuỗi	25	

Chuỗi Json:

```
{
  "ID": 0,
  "MaBenhNhan": "BN20260045",
  "MaHoSo": "HS20260045",
  "HoVaTenBenhNhan": "Trần Văn Hải",
  "Tuoi": 52,
  "GioiTinh": 1,
  "DiaChi": "45 Đường Lê Văn Sỹ, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh",
  "SoTheBHYT": "987654321098",
```

"SoYTe": "YT202600278",
"BenhVien": "Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM",
"MaKhoa": "KNT",
"Khoa": "Khoa Nội Thận - Tiết niệu",
"Buong": "B205",
"Giuong": "08",
"LoaiXetNghiem": 1,
"ChanDoanLamSang": "Tiểu đường type 2, suy thận mạn giai đoạn 3",
"MaQuanLy": 150058,
"NgaySinh": "1974-05-20",
"NgayVaoVien": "2026-04-06T09:15:00",
"MaCSKCB": "79019",
"IDMauPhieu": 1017,
"Ure": "12.8 mmol/L",
"Glucose": "8.9 mmol/L",
"Creatinin": "168 µmol/L",
"AcidUric": "452 µmol/L",
"Sat": "18.5 µmol/L",
"Magie": "0.92 mmol/L",
"AST_GOT": "28 U/L",
"ALT_GPT": "35 U/L",
"Bilirubin_TP": "12.5 µmol/L",
"Bilirubin_TT": "4.2 µmol/L",
"Bilirubin_GT": "8.3 µmol/L",
"Protein_TP": "68 g/L",
"Albumin": "38 g/L",
"Globulin": "30 g/L",
"TyLe_A_G": "1.27",
"Fibrinogen": "3.8 g/L",
"Amylase": "85 U/L",
"CK": "145 U/L",

```
"CK_MB": "12 U/L",
"LDH": "210 U/L",
"GGT": "42 U/L",
"Cholinesterase": "6200 U/L",
"Phosphatase_Kiem": "98 U/L",
"Cholesterol": "5.8 mmol/L",
"Triglycerid": "2.1 mmol/L",
"HDL_Cho": "1.1 mmol/L",
"LDL_Cho": "3.9 mmol/L",
"Na": "138 mmol/L",
"K": "4.8 mmol/L",
"Cl": "102 mmol/L",
"Calci": "2.25 mmol/L",
"Calci_Ion_Hoa": "1.12 mmol/L",
"Phospho": "1.45 mmol/L",
"KhiMau_pH": "7.38",
"KhiMau_pCO2": "38 mmHg",
"KhiMau_pO2": "85 mmHg",
"KhiMau_HCO3": "22 mmol/L",
"KhiMau_KiemDu": "-2.5 mmol/L",
"XetNghiem_Khac": "HbA1c: 7.8%",
"BacSiDieuTri": "PGS.TS. Trần Văn Bình",
"NgayKyBacSiDieuTri": "2026-04-09T08:45:00",
"TruongKhoaXetNghiem": "TS.BS. Lê Thị Ngọc Mai",
"NgayKyTruongKhoaXetNghiem": "2026-04-09T09:30:00",
"MaTruongKhoaXetNghiem": "TKXN045",
"MaBacSiDieuTri": "BS12045"
}
```